

Bài tập

Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở A phát sinh các nghiệp vụ sau:

- Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).
- Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.
- Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phải nộp của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.

Xác định thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ?

Câu hỏi ôn tập

1. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng hàng hóa dịch vụ chịu thuế TTĐB (nguyên liệu đầu vào) để tạo ra các hàng hóa, dịch vụ cũng chịu thuế TTĐB. Cơ quan thuế sẽ thu thuế như thuế nào?
2. Người nộp thuế TTĐB là tổ chức, cá nhân tiêu thụ hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB. Đúng hay sai? Vì sao?
3. Nếu doanh nghiệp tiêu dùng nội bộ hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB do chính mình sản xuất ra thì doanh nghiệp đó không phải nộp thuế TTĐB. Đúng hay sai? Vì sao?
4. Doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chịu thuế TTĐB, dùng sản phẩm này để tặng cho. Doanh nghiệp phải tính thuế TTĐB theo chi phí sản xuất để nộp cho Nhà nước. Đúng hay sai? Vì sao?

Câu hỏi trắc nghiệm

1. Nhóm thuế sau đây phù hợp với thuế TTĐB:

- a. Thuế tiêu dùng
- b. Thuế tài sản
- c. Thuế trung ương
- d. Thuế địa phương

2. Thuế TTĐB là:

- a) Thuế trực thu đánh trên những hàng hóa thiết yếu;
- b) Thuế gián thu đánh trên những hàng hóa thiết yếu;
- c) Thuế trực thu đánh trên những hàng hóa không thiết yếu, xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư;
- d) Thuế gián thu đánh trên những hàng hóa không thiết yếu, xa xỉ đối với đại bộ phận dân cư;

3. Mục đích của thuế TTĐB là:

- a) Cấm sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định;
- b) Hạn chế sản xuất và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định;
- c) Điều tiết thu nhập từ đó hướng dẫn sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng các hàng hóa và dịch vụ đã chỉ định;
- d) Cả b, c đều đúng.

4. Các hàng hóa và dịch vụ thuộc diện chịu thuế TTĐB tại các khâu:

- a) Sản xuất hàng hoá;
- b) Nhập khẩu hàng hoá;
- c) Kinh doanh dịch vụ;
- d) Kinh doanh hàng hóa;
- e) a, b, c, d đều đúng

5. Văn bản pháp lý cao nhất đối với thuế TTĐB hiện nay được quy định trong:

- a. Luật
- b. Pháp lệnh
- c. Nghị định
- d. Công văn

6. Thuế TTĐB được thu trong khâu nào sau đây:

- a. Sản xuất, kinh doanh thương mại
- b. Sản xuất, nhập khẩu
- c. Nhập khẩu, kinh doanh thương mại
- d. Sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thương mại

7. Hàng hóa nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:

- a) Rượu hoa quả;
- b) Nguyên liệu dùng để sản xuất rượu;
- c) Bia hơi;

d) Xe ô tô 4 chỗ.

8. Hàng hóa nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:

- a) Bài lá;
- b) Rượu thuốc;
- c) Bia tươi;
- d) Cả a, b, c đều đúng.

9. Dịch vụ nào sau đây thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:

- a) Kinh doanh Karaoke;
- b) Kinh doanh xổ số;
- c) Kinh doanh gôn (golf);
- d) Cả a, b, c đều đúng.

10. Dịch vụ nào sau đây không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB:

- a) Kinh doanh vũ trường;
- b) Kinh doanh casino;
- c) Kinh doanh nhà hàng;
- d) Kinh doanh giải trí có đặt cược.

11. Đối tượng nào sau đây thuộc diện nộp thuế TTĐB:

- a) Các tổ chức và cá nhân có sản xuất hàng hóa và kinh doanh dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB;
- b) Các tổ chức và cá nhân có nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB;
- c) Các tổ chức và cá nhân có sản xuất, gia công hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài;
- d) Cả a, b đều đúng.

12. Đối tượng nào sau đây không thuộc diện nộp thuế TTĐB:

- a) Các tổ chức và cá nhân sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB mang hàng hóa ra nước ngoài để bán tại hội chợ triển lãm ở nước ngoài;

- b) Các tổ chức và cá nhân sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB bán cho doanh nghiệp khu chế xuất;
- c) Các tổ chức và cá nhân gia công hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho doanh nghiệp khu chế xuất;
- d) Các tổ chức, cá nhân sản xuất rượu bia.

13. Doanh nghiệp khi nhập khẩu hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp các thuế sau:

- a) Thuế nhập khẩu;
- b) Thuế TTĐB;
- c) Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT;
- d) Thuế nhập khẩu, thuế TTĐB, thuế BVMT, thuế GTGT;

14. Doanh nghiệp khi xuất khẩu hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB phải nộp các thuế sau:

- a) Thuế xuất khẩu;
- b) Thuế TTĐB;
- c) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB;
- d) Thuế xuất khẩu, thuế TTĐB, thuế GTGT.

15. Giá tính thuế TTĐB đối với dịch vụ được xác định bằng cách:

- a. Doanh thu (chưa bao gồm thuế GTGT)/(1+thuế suất thuế TTĐB)
- b. Doanh thu (bao gồm thuế GTGT)/(1+thuế suất thuế TTĐB)
- c. Doanh thu (chưa bao gồm thuế TTĐB)/(1+thuế suất thuế TTĐB)
- d. a, b, c đều sai

16. Công thức tính giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa thuộc diện chịu thuế TTĐB do doanh nghiệp sản xuất bán ra trong nước bằng:

- a) $[\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế BVMT (nếu có)}] / (1 + \% \text{ thuế suất thuế GTGT})$
- b) $[\text{Giá bán chưa có thuế GTGT} - \text{Thuế BVMT (nếu có)}] / (1 + \% \text{ thuế suất thuế TTĐB})$
- c) $[\text{Giá bán chưa có thuế TTĐB} - \text{Thuế BVMT (nếu có)}] / (1 + \% \text{ thuế suất thuế GTGT})$

d) $[\text{Giá bán chưa có thuế TTĐB} - \text{Thuế BVMT (nếu có)}] / (1 + \% \text{ thuế suất thuế TTĐB})$

17. Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt bán hàng qua các cơ sở kinh doanh thương mại thì giá làm căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là:

a) Giá bán chưa có thuế TTĐB và thuế BVMT (nếu có) của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại đó bán ra;

b) Giá bán chưa có thuế GTGT và thuế BVMT (nếu có) của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 7% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại đó bán ra;

c) Giá bán chưa có thuế GTGT và thuế BVMT (nếu có) của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 30% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại đó bán ra;

d) Giá bán chưa có thuế TTĐB và thuế BVMT (nếu có) của cơ sở sản xuất nhưng không được thấp hơn 30% so với giá bán bình quân của cơ sở kinh doanh thương mại đó bán ra;

18. Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc diện chịu thuế TTĐB được xác định bằng:

a) Giá tính thuế nhập khẩu;

b) Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu;

c) Giá tính thuế nhập khẩu + Thuế nhập khẩu + Thuế TTĐB;

d) Cả a, b, c đều sai

19. Giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá gia công là:

a) Giá tính thuế của hàng hoá bán ra của cơ sở giao gia công

b) Giá tính thuế của sản phẩm cùng loại tại cùng thời điểm bán hàng

c) Giá tính thuế của sản phẩm tương đương tại cùng thời điểm bán hàng

d) Hoặc a, hoặc b, hoặc c

20. Trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá chịu thuế TTĐB bằng nguyên liệu đã chịu thuế TTĐB thì số thuế TTĐB phải nộp trong kỳ là:

a) Thuế TTĐB của hàng hoá tiêu thụ trong kỳ

- b) Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào tương ứng với số hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ (nếu có chứng từ hợp pháp)
- c) Thuế TTĐB của hàng hoá xuất kho tiêu thụ trong kỳ trừ (-) Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nguyên liệu mua vào (nếu có chứng từ hợp pháp)
- d) Không có câu nào trên là đúng.

21. Đối với cơ sở kinh doanh xuất khẩu mua hàng chịu thuế TTĐB của cơ sở sản xuất để xuất khẩu nhưng không xuất khẩu mà bán trong nước thì giá tính thuế TTĐB là:

- a) Giá bán chưa có thuế TTĐB, thuế BVMT (nếu có) và chưa có thuế GTGT.
- b) Giá bán chưa có thuế GTGT và thuế BVMT (nếu có).
- c) Giá bán chưa có thuế TTĐB và thuế BVMT (nếu có).
- d) Hoặc B hoặc C

22. Dịch vụ nào sau đây không thuộc diện chịu thuế TTĐB:

- a. Kinh doanh nhà hàng ăn uống
- b. Kinh doanh casino
- c. Kinh doanh xổ số
- d. a, b, c đều sai

23. Hàng hóa nào sau đây thuộc diện chịu thuế TTĐB

- a. Xăng
- b. Dầu hỏa
- c. Nước hoa
- d. a, b, c đều đúng

24. Thuế suất thuế TTĐB đối với hàng hóa vàng mã, hàng mã thuộc loại chịu thuế là:

- a. 30%
- b. 50%
- c. 60%

d. 70%

25. Cơ sở A nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (theo biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu). Trong kỳ, xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, số thuế TTĐB kinh doanh khi bán ra trong nước là 150 triệu đồng. Vậy số thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ là:

- a. 50 triệu đồng
- b. 100 triệu đồng
- c. 150 triệu đồng
- d. 250 triệu đồng

26. Doanh nghiệp sản xuất rượu bia M trực tiếp xuất khẩu 10.000 thùng bia ra nước ngoài với giá 175.000 đồng/thùng, thuế suất thuế TTĐB 75%. Thuế TTĐB phải nộp đối với cơ sở kinh doanh là:

- a) 0 triệu đồng
- b) 562,5 triệu đồng
- c) 750 triệu đồng
- d) 1.312.500 đồng.

27. Trong kỳ kê khai thuế, cơ sở A phát sinh các nghiệp vụ sau:

- Nhập khẩu 10.000 lít rượu nước, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 250 triệu đồng (căn cứ biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu).
- Xuất kho 8.000 lít để sản xuất 12.000 chai rượu.
- Xuất bán 9.000 chai rượu, số thuế TTĐB phát sinh khi xuất bán của 9.000 chai rượu xuất bán là 350 triệu đồng.
- Số thuế TTĐB đã nộp ở khâu nhập khẩu nước rượu phân bổ cho 9.000 chai rượu đã bán ra là 150 triệu đồng.

Số thuế TTĐB cơ sở A phải nộp trong kỳ là:

- a) 100 triệu
- b) 150 triệu
- c) 200 triệu
- d) 350 triệu

28. Cơ sở B nhập khẩu 100 máy điều hòa nhiệt độ công suất 12.000 BTU, đã nộp thuế TTĐB khi nhập khẩu 100 triệu đồng (theo biên lai nộp thuế TTĐB ở khâu nhập khẩu). Trong kỳ, xuất bán 100 máy điều hòa nhiệt độ, số thuế TTĐB kinh doanh khi bán ra trong nước là 95 triệu đồng. Vậy số thuế TTĐB cơ sở B phải nộp trong kỳ là:

- a. Không phải nộp
- b. 5 triệu đồng
- c. 95 triệu đồng
- d. 100 triệu đồng

29. Doanh nghiệp sản xuất bán 1.000 lít rượu 75 độ với giá chưa thuế giá trị gia tăng là 90.000 đồng/lít, thuế suất thuế TTĐB 50%. Thuế TTĐB phải nộp đối với cơ sở sản xuất là:

- a. Không thuộc diện chịu thuế TTĐB
- b. 30 triệu đồng
- c. 45 triệu đồng
- d. 90 triệu đồng

Bài tập tính thuế tiêu thụ đặc biệt

Bài 1:

Cửa hàng Nam Hải chuyên sản xuất A là mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Năm 2020 sản xuất được 1.500 sản phẩm với giá bán chưa có thuế GTGT là 1.200.000đ/sản phẩm. Hãy tính thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của doanh nghiệp này. Biết rằng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 45%.

Bài 2:

Công ty Halida sản xuất mặt hàng bia lon với số lượng 2.800.000 hộp/năm. Giá trị vỏ hộp được khấu trừ là 3.800 đ/vỏ. Giá bán chưa có thuế GTGT là 15.000 đ/hộp. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 65%. Tính thuế tiêu thụ đặc biệt mà doanh nghiệp phải nộp.

Bài 3:

Công ty A nhập khẩu một mặt hàng với số lượng là 5.000 sản phẩm theo giá CIF là 54USD/sản phẩm, theo tỷ giá hối đoái 18.500đ/USD. Hãy tính thuế tiêu thụ đặc biệt mà công ty này phải nộp. Biết rằng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 35%, thuế suất thuế Nhập khẩu là 10%.

Bài 4: Doanh nghiệp A có tài liệu như sau:

1. Nhập khẩu 1.000 lít rượu 42 độ để sản xuất ra 200.000 sản phẩm A thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt giá tính thuế nhập khẩu là 30.000 đ/lít, thuế suất thuế Nhập khẩu là 65%.
2. Xuất khẩu 150.000 sản phẩm A theo giá FOB là 200.000 đ/sản phẩm.
3. Bán trong nước 1.000 sản phẩm A với đơn giá chưa thuế GTGT là 220.000 đ/sản phẩm.

Yêu cầu: Hãy tính thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và thuế Nhập khẩu phải nộp.

Biết rằng thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của rượu 42 độ là 65% , Thuế xuất khẩu: 2%.

Bài 5: Tại nhà máy thuốc lá Thăng Long có các tài liệu:

1. Nhập khẩu thuốc lá sợi làm nguyên liệu sản xuất thuốc lá điếu có đầu lọc. Tổng giá trị hàng Nhập khẩu theo điều kiện CIF quy ra tiền VN là 20 tỷ. Nhà máy sử dụng 60% nguyên liệu đưa vào chế biến tạo ra 500.000 cây thuốc lá thành phẩm.
2. Xuất khẩu 180.000 cây thuốc lá thành phẩm với giá CIF quy ra tiền VN là 150.000đ/cây.
3. Bán trong nước 120.000 cây với giá bán chưa thuế GTGT là 120.000đ/cây.

Yêu cầu: Tính thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. Biết thuế tiêu thụ đặc biệt của thuốc lá là 55%; thuế xuất khẩu thuốc lá thành phẩm là 2%; thuế Nhập khẩu thuốc lá sợi 30%; phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế chiếm 2% trên giá CIF.

Bài 6: Một doanh nghiệp trong nước trong quý I năm 2022 có tình hình sản xuất kinh doanh như sau:

1. Mua 100.000 cây thuốc lá với giá mua là 100.000đ/cây từ 1 cơ sở sản xuất X để xuất khẩu. Số lượng xuất khẩu là 50.000 cây thuốc lá với giá xuất khẩu là 120.000 đồng/cây theo hợp đồng đã ký kết, số còn lại do không đủ tiêu chuẩn chất lượng nên phải tiêu thụ trong nước với giá bán 140.000/cây.

2. Nhập khẩu 200 chiếc điều hòa nhiệt độ hiệu National công suất 20000 BTU giá mua tại cửa khẩu nước xuất là 300 USD/chiếc, chi phí vận chuyển và bảo hiểm quốc tế cho toàn bộ lô hàng là 1.200 USD. Trong kỳ đơn vị đã bán được 120 chiếc với giá 12tr đồng/ chiếc.

Yêu Cầu: Tính thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt. biết rằng Thuế xuất khẩu là 5% đối với thuốc lá, Thuế suất thuế xuất khẩu đối với điều hòa nhiệt độ là 20%. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của thuốc lá là 45%, của điều hòa là 15%. Thuế Nhập khẩu là 35%, tỷ giá 24.500đ/USD